

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/10/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Trị và ông Hà Xuân Ninh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Viết K**, sinh năm 1978; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1982; đều có địa chỉ xóm 2 P, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25 tháng 02 năm 2021, các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Viết K trình bày: Giữa anh Nguyễn Viết K và bị đơn là chị Vũ Thị T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại xóm 2 P, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị T không tôn trọng mẹ chồng và anh em nhà chồng, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi,

đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên nội, ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho tới nay. Anh K thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh K đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung anh Nguyễn Viết K trình bày: Vợ chồng anh có ba con chung cháu thứ nhất là Nguyễn Viết K, sinh ngày 03/9/2007; cháu thứ hai là Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/3/2010; cháu thứ ba là Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 23/7/2019. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh K đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Nguyễn Viết K và cháu Nguyễn Thị Huyền M cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn chị Vũ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị L, các bên phải không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Viết K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như anh K đã trình bày, về tình trạng hôn nhân chị T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh K gia trưởng, ích kỷ không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã đánh chửi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên nội, ngoại khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho tới nay, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay anh K có đơn xin ly hôn, chị T đồng ý.

Về con chung: Chị Vũ Thị T thừa nhận về số con chung như anh K đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền M và cháu Nguyễn Thị L cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Viết K và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị để nuôi cháu Nguyễn Thị L hàng tháng với số tiền là 750.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2

Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho anh Nguyễn Viết K được ly hôn chị Vũ Thị T;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 03/9/2007 cho anh Nguyễn Viết K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho tới khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 23/7/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh Nguyễn Viết K phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị L cho chị Vũ Thị T 750.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thị L đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Viết K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Viết K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị T; chị Vũ Thị T có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Viết K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị T đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 30 tháng 10 năm 2006. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh K gia trưởng, ích kỷ không quan tâm đến vợ con, chị T không tôn trọng mẹ chồng và anh em nhà chồng, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không được hàn gắn. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Anh K xin ly hôn chị T cũng đồng ý. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận ngày 19/7/2021 do anh K giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng thôn P và UBND xã G. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Viết K.

[3] Về quan hệ con chung:

Anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T có ba con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Viết K, sinh ngày 03/9/2007; cháu thứ hai là Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/3/2010; cháu thứ ba là Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 23/7/2019. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh K và chị T có ba con chung; cháu K và cháu L đều đã trên bảy tuổi, cháu M dưới ba tuổi. anh K là người lao động tự do, có thu nhập bình quân 6.000.000/tháng và chị T cũng là người lao động tự do, có thu nhập bình quân 7.000.000/tháng, nhưng nếu giao cả ba cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Trong thời gian trước đây và hiện nay anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, các con chung của anh K và chị T đều được nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Viết K cho anh Nguyễn Viết K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; cần giao cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Thị Huyền M cho chị Vũ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu L và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; anh Nguyễn Viết K phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị L cho chị Vũ Thị T 750.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị L đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:

Anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Nguyễn Viết K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Viết K và chị Vũ Thị T được ly hôn;

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Viết K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 03/9/2007; Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 23/7/2019; Thời hạn nuôi con tính từ ngày 29/10/2021 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Viết K phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị L cho chị Vũ Thị T 750.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ly đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ trảm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Viết K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2019/0000306 ngày 04/3/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

Hà Thiện Thành